

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẮNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 24-5-2022.

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thùy Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Doãn Đức Hùng

Ông Phạm Văn Bằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 600/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 58/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Ngọc Tr, sinh năm 1986**

Chỗ ở: Ấp A B, xã Tr H, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai.

**\* Bị đơn: Anh Trần Hữu B, sinh năm 1982**

Trú tại: Số abc, xóm a, khu b, ấp A B, xã Tr H, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai.

*(Chị Tr và anh B vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn - chị Đỗ Thị Ngọc Tr, trình bày:**

Chị và anh Trần Hữu B tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Qu Tr, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/10/2005.

Quá trình chung sống, chị và anh B đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và những mâu thuẫn này ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do cả hai bên đều

không có sự cảm thông, chia sẻ, bất đồng quan điểm. Chị và anh B đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

*Về con chung:* Chị và anh B có 03 con chung là cháu Trần Triệu Hoàng L L, sinh ngày 22/10/2006; cháu Trần Gia Ph, sinh ngày 30/7/2012 và cháu Trần Đăng Qu, sinh ngày 28/10/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con chung. Tạm thời, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có.

\* *Bị đơn – anh Trần Hữu B:* Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời khai.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:***

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm.

*Về nội dung vụ án:* Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh B đều vắng mặt, không thể hiện thiện chí đoàn tụ và không thể duy trì tình trạng hôn nhân giữa hai bên. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr; Về con chung: Chị Tr và anh B có 03 con chung là cháu Trần Triệu Hoàng L L, sinh ngày 22/10/2006; cháu Trần Gia Ph, sinh ngày 30/7/2012 và cháu Trần Đăng Qu, sinh ngày 28/10/2017. Hiện các cháu do chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, cháu L và Ph đều có nguyện vọng ở với mẹ nên tiếp tục giao các con chung cho chị Tr nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị Tr không yêu cầu nên tạm thời anh B không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh Trần Hữu B hiện đang cư trú tại ấp A B, xã Tr H, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. *Về thủ tục xét xử vắng mặt:* Bị đơn – anh Trần Hữu B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục quy định nhưng anh B vẫn vắng mặt, không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bên cạnh đó,

nguyên đơn – chị Đỗ Thị Ngọc Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét về yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Ngọc Tr và anh Trần Hữu B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Qu Tr, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai ngày 20/10/2005 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh B, vụ án được thụ lý ngày 10/11/2021 nên áp dụng Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B không đến Tòa làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến đối với những yêu cầu khởi kiện của chị Tr là tự từ bỏ quyền chứng minh của mình. Tòa án cũng không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng khi không có sự hợp tác của anh B. Do đó, cần xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tr và anh B là có thật, anh B không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ, không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr.

[2.2]. Về con chung: Chị Tr và anh B có 03 con chung là cháu Trần Triệu Hoàng L L, sinh ngày 22/10/2006; cháu Trần Gia Ph, sinh ngày 30/7/2012 và cháu Trần Đăng Qu, sinh ngày 28/10/2017. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu L và cháu Ph đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị Tr, cháu Qu còn nhỏ, đã sống ổn định với chị Tr nên cần giao 03 con chung cho chị Tr trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr không yêu cầu nên tạm thời anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4]. Về tài sản chung: Chị Tr không yêu cầu giải quyết trong vụ án. Anh B vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5]. Về nợ chung: Chị Tr trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết trong vụ án. Anh B vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 28, 147, 220, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Ngọc Tr.

**1.** Chị Đỗ Thị Ngọc Tr được ly hôn với anh Trần Hữu B.

**2.** Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Triệu Hoàng L L, sinh ngày 22/10/2006; cháu Trần Gia Ph, sinh ngày 30/7/2012 và cháu Trần Đăng Qu, sinh ngày 28/10/2017 cho chị Đỗ Thị Ngọc Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời, anh Trần Hữu B không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đỗ Thị Ngọc Tr.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh Trần Hữu B.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

**3.** Về án phí: Chị Đỗ Thị Ngọc Tr phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000138 ngày 10/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Tr đã nộp đủ án phí.

Báo cho chị Tr và anh B biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- UBND xã Qu Tr,
- H. Th Nh; T. Đồng Nai;
- (GCNKH số 154, quyền 01 ngày 20/10/2005)
- VKSND H.Trảng Bom;
- CC.THADS H.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
*(đã ký tên và đóng dấu)*

**Đỗ Thùy Dung**